

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT VÀ CÁC NGUYÊN TẮC TÍNH GIÁ TRỊ SẢN XUẤT THEO GIÁ THỰC TẾ VÀ GIÁ SO SÁNH

Nguyễn Bích Lâm^(*)

Chỉ tiêu giá trị sản xuất (GTSX) có vai trò quan trọng trong đánh giá kết quả sản xuất của nền kinh tế. Tính đúng và tính đủ chỉ tiêu này theo giá thực tế và giá so sánh là yếu tố quyết định đến đánh giá chính xác tổng sản phẩm trong nước (GDP) và tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Trong bài viết này, đề cập tới định nghĩa, các yếu tố cấu thành GTSX được nhìn dưới các góc độ khác nhau, chỉ ra ý nghĩa cũng như một số hạn chế của chỉ tiêu này. Đặc biệt đưa ra các nguyên tắc cần tuân thủ khi tính GTSX theo giá thực tế và giá so sánh.

1. Định nghĩa và các yếu tố cấu thành giá trị sản xuất

Giá trị sản xuất là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh toàn bộ giá trị của sản phẩm vật chất và dịch vụ sản xuất ra trong một thời kỳ nhất định của nền kinh tế. *Xét theo quá trình chuyển hóa sản phẩm trong quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm vật chất và dịch vụ cho nền kinh tế*, GTSX bao gồm giá trị của hai nhóm sản phẩm sau:

Nhóm thứ nhất biểu thị giá trị của sản phẩm vật chất và dịch vụ *sử dụng hết trong quá trình sản xuất* để tạo ra sản phẩm mới trong một thời kỳ nhất định. Trong Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA), nhóm sản phẩm vật chất và dịch vụ này được gọi là chi phí trung gian, bao gồm chi phí vật chất và chi phí dịch vụ. Chi phí vật chất bao gồm: nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, điện, nước, khí đốt, chi phí công cụ sản

xuất nhỏ, vật rẻ tiền mau hỏng và chi phí sản phẩm vật chất khác. Chi phí dịch vụ bao gồm: dịch vụ vận tải, bưu điện, bảo hiểm, dịch vụ ngân hàng, dịch vụ pháp lý, dịch vụ quảng cáo và các dịch vụ khác dùng trong sản xuất.

Nhóm thứ hai biểu thị giá trị *mới tăng thêm trong quá trình sản xuất*, bao gồm: thu nhập của người lao động từ sản xuất, thuế sản xuất, khấu hao tài sản cố định dùng trong sản xuất và thặng dư sản xuất.

Xét trên góc độ các yếu tố xác định quy mô, GTSX bao gồm hai yếu tố: *khối lượng và giá cả*. Yếu tố khối lượng phản ánh lượng sản phẩm vật chất và dịch vụ do các đơn vị cơ sở trong nền kinh tế tạo ra. Các đơn vị cơ sở trong nền kinh tế tạo ra hàng nghìn loại sản phẩm vật chất và dịch vụ có các đặc trưng khác nhau và không thể cộng khối lượng các loại sản phẩm vật chất và dịch vụ lại với nhau để có một con số duy nhất phản ánh kết quả sản xuất của nền kinh tế. Chẳng hạn sẽ không có ý nghĩa khi cộng khối lượng thóc với số lít nước mắm do các đơn vị cơ sở tạo ra trong năm. Vì vậy, để tính tổng giá trị của tất cả các sản phẩm vật chất và dịch vụ sản xuất ra của toàn bộ nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định, các nhà kinh tế phải sử dụng giá cả của sản phẩm để xác định giá trị của từng loại sản phẩm vật chất và dịch vụ, sau đó cộng giá trị của chúng lại với nhau. Chính vì thế GTSX luôn bao gồm hai yếu tố khối

^(*) Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê

lượng và giá cả. Quy mô của GTSX theo giá thực tế do cả yếu tố khối lượng sản phẩm sản xuất ra và yếu tố giá cả thực tế của thời kỳ đó quyết định.

Xét trên góc độ cấu thành giá trị (C+V+M), GTSX bao gồm giá trị chuyển dịch của sản phẩm vật chất và dịch vụ được sản xuất ra trong kỳ trước (C), giá trị mới sáng tạo ra dành cho người lao động (V) và giá trị mới sáng tạo ra dành cho đơn vị cơ sở và Nhà nước (M). Giá trị chuyển dịch của sản phẩm vật chất và dịch vụ bao gồm: giá trị nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện lực, giá trị dịch vụ v.v... đã tiêu hao trong quá trình sản xuất và khấu hao tài sản cố định dùng trong sản xuất. Giá trị mới sáng tạo dành cho người lao động bao gồm tiền lương thực nhận bằng tiền và hiện vật và phần bảo hiểm xã hội do đơn vị cơ sở nộp thay cho người lao động. Giá trị mới sáng tạo ra dành cho đơn vị cơ sở và Nhà nước bao gồm thặng dư sản xuất và thuế sản xuất.

Trên góc độ thu thập thông tin từ chế độ kế toán của đơn vị cơ sở, GTSX bao gồm các yếu tố: doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ; doanh thu bán phế liệu thu hồi, sản phẩm kèm theo tận thu; doanh thu tiêu thụ sản phẩm sản xuất phụ; doanh thu cho thuê máy móc thiết bị có người điều khiển và các tài sản khác không kể đất; chênh lệch cuối kỳ và đầu kỳ của sản phẩm dở dang, thành phẩm tồn kho và hàng gửi đi bán chưa thu được tiền.

2. Ý nghĩa và những hạn chế của chỉ tiêu giá trị sản xuất

Hoạt động sản xuất tạo ra của cải và thu nhập cho nền kinh tế. Để phản ánh kết quả của hoạt động sản xuất trong một thời

kỳ nhất định, các nhà kinh tế đã đề xuất và biên soạn hệ thống các chỉ tiêu giá trị, trong số đó GTSX là chỉ tiêu đầu tiên xuất hiện bên nguồn của tài khoản sản xuất - Tài khoản mô tả kết quả *hoạt động sản xuất* và GDP của nền kinh tế được hình thành như thế nào.

Cùng với giá trị hàng hóa và dịch vụ nhập khẩu, GTSX mô tả tổng nguồn hàng hóa và dịch vụ của nền kinh tế đáp ứng cho nhu cầu sản xuất thể hiện qua cung cấp tư liệu sản xuất dùng trong chi phí trung gian; cho tích lũy tài sản để tái sản xuất mở rộng của nền kinh tế; cho nhu cầu tiêu dùng cuối cùng của hộ gia đình và Nhà nước và cho xuất khẩu nhằm tạo thêm thu nhập và việc làm cho người lao động, là nguồn thu ngoại tệ cho đất nước. Nói cách khác, GTSX cùng với giá trị hàng hóa và dịch vụ nhập khẩu phản ánh tổng cung của nền kinh tế. Các chỉ tiêu phản ánh tổng cung, cùng với các chỉ tiêu phản ánh tổng cầu mô tả mối quan hệ kinh tế vĩ mô của nền kinh tế và cho phép các nhà kinh tế nghiên cứu quá trình hình thành và sử dụng nguồn hàng hóa và dịch vụ.

Cùng với chỉ tiêu giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ, chỉ tiêu GTSX có ý nghĩa rất quan trọng, phản ánh *mức độ cạnh tranh của nền kinh tế*. Tỷ lệ giá trị hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu so với GTSX của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định biểu thị tổng quan khả năng cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ trong nước với hàng hóa và dịch vụ nước ngoài. Khi đánh giá vai trò của xuất khẩu đối với tăng trưởng kinh tế qua tỷ lệ giá trị hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu so với GDP cần lưu ý giá trị hàng hóa và dịch vụ xuất khẩu bao gồm cả chi phí trung gian

được sử dụng hết trong quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm xuất khẩu và thuộc phạm trù GTSX. Trong khi đó GDP biểu thị giá trị hàng hóa và dịch vụ mới tăng thêm trong quá trình sản xuất. Một số nhà kinh tế và lập chính sách cho rằng trị giá hàng xuất khẩu có tỷ trọng ngày càng tăng so với GDP là yếu tố quyết định tới tốc độ tăng trưởng GDP. Điều này đúng nhưng chưa thật chính xác vì trong trường hợp hàng hóa xuất khẩu chủ yếu là hàng gia công chế biến với nguyên vật liệu nhập từ bên ngoài, khi đó tăng trưởng nhanh của hàng xuất khẩu ảnh hưởng mạnh tới tăng trưởng chỉ tiêu GTSX nhưng tác động rất ít tới tăng trưởng GDP.

Do GTSX phản ánh *toàn bộ giá trị* của sản phẩm vật chất và dịch vụ sản xuất ra trong một thời kỳ nhất định của nền kinh tế, vì vậy GTSX có sự tính trùng giữa các đơn vị trong từng ngành cũng như giữa các ngành và mức độ tính trùng phụ thuộc vào trình độ chuyên môn hóa trong sản xuất của nền kinh tế. Nếu trình độ chuyên môn hóa càng cao thì sự tính trùng càng nhiều. Đây chính là điểm hạn chế cơ bản của chỉ tiêu GTSX, vì vậy các nhà kinh tế phải đưa ra chỉ tiêu phản ánh giá trị hàng hóa và dịch vụ sản xuất ra của nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định nhưng không bị tính trùng, đó chính là GDP.

GTSX bao gồm cả giá trị hàng hóa được tạo ra của các thời kỳ sản xuất trước, chẳng hạn dùng nguyên vật liệu được tạo ra của năm trước để sản xuất ra hàng hóa và dịch vụ cho năm sau. Với đặc điểm đó, nếu dùng GTSX để đánh giá tốc độ tăng trưởng kinh tế và các chỉ tiêu tổng hợp liên quan tới bình quân đầu người, năng suất, hiệu quả

thì sẽ không phản ánh đúng kết quả sản xuất của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định.

3. Các nguyên tắc chung tính giá trị sản xuất

Dựa vào khái niệm và bản chất của GTSX phản ánh kết quả của hoạt động sản xuất tạo ra trong lãnh thổ kinh tế của một quốc gia, dựa trên nguyên tắc đánh giá sản lượng của đơn vị sản xuất và dựa trên khái niệm sản xuất trong SNA, chúng tôi tổng hợp và khái quát thành các nguyên tắc cần tuân thủ khi tính GTSX theo giá thực tế và giá so sánh. Bảy nguyên tắc đầu trong tổng số 11 nguyên tắc được áp dụng cho đánh giá GTSX theo giá thực tế, trong đó nguyên tắc 4 do chúng tôi đề xuất thêm để tránh việc áp dụng không chính xác khái niệm sản xuất. *Trong bốn nguyên tắc từ 8 đến 11, ba nguyên tắc đầu chúng tôi kế thừa trong tài liệu của quốc tế⁽¹⁾, nguyên tắc 11 đề cập tới chất lượng sản phẩm do chúng tôi nghiên cứu và đề xuất.* Nguyên tắc 11 yêu cầu các nhà thống kê tài khoản quốc gia chỉ loại trừ biến động về giá khi tính GTSX theo giá so sánh, do vậy thống kê giá không được gộp yếu tố thay đổi chất lượng sản phẩm khi biên soạn chỉ số giá sản xuất (PPI), chỉ số giá bán buôn vật tư cho sản xuất (WPI) và chỉ số giá tiêu dùng cuối cùng (CPI).

Nguyên tắc 1: *GTSX chỉ tính cho các đơn vị thường trú của nền kinh tế.* GTSX phản ánh kết quả hoạt động sản xuất tạo ra sản phẩm vật chất và dịch vụ trong lãnh thổ kinh tế của một quốc gia. Vì vậy kết quả sản xuất của chi nhánh một công ty Việt Nam ở nước ngoài không được tính vào GTSX của Việt Nam. Ngược lại kết quả sản xuất của

chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam phải tính vào GTSX của Việt Nam.

Nguyên tắc 1 đảm bảo GTSX chỉ bao gồm giá trị của sản phẩm vật chất và dịch vụ sản xuất ra trong *lãnh thổ kinh tế của một quốc gia* trong một thời kỳ nhất định. Sản phẩm vật chất và dịch vụ do các đơn vị thuộc sở hữu của Việt Nam sản xuất ra trên lãnh thổ kinh tế của nước khác không được tính vào GTSX.

Nguyên tắc 2: *GTSX không được tính trùng trong phạm vi đơn vị tính toán.* GTSX được dùng để đánh giá kết quả của đơn vị cơ sở, không dùng đánh giá cho từng *công đoạn sản xuất* của đơn vị. Vì vậy GTSX chỉ tính cho sản phẩm vật chất và dịch vụ do đơn vị sản xuất ra dùng cho đơn vị khác, không tính giá trị của sản phẩm chu chuyển nội bộ cho các công đoạn sản xuất của đơn vị cơ sở.

Hoạt động sản xuất ở một đơn vị cơ sở gồm nhiều công đoạn sản xuất, có những công đoạn tạo ra sản phẩm vật chất và dịch vụ được dùng làm nguyên vật liệu và dịch vụ đầu vào cho công đoạn sản xuất khác của đơn vị trong cùng kỳ hạch toán. Rõ ràng sản phẩm vật chất và dịch vụ này không ra khỏi đơn vị và vì vậy không tính vào GTSX của đơn vị cơ sở. Nói cách khác, nguyên tắc chu chuyển nội bộ không áp dụng khi tính GTSX của đơn vị cơ sở. Nếu doanh nghiệp gồm nhiều đơn vị cơ sở, GTSX của doanh nghiệp bằng tổng GTSX của các đơn vị cơ sở thuộc doanh nghiệp.

Trong thực tế nguyên tắc này được áp dụng đối với đơn vị thu thập số liệu để tính GTSX. Chẳng hạn, nếu đơn vị thu thập số liệu là đơn vị cơ sở khi đó GTSX chỉ tính kết

quả cuối cùng của đơn vị cơ sở. Nếu đơn vị thu thập số liệu là doanh nghiệp thì GTSX chỉ tính kết quả cuối cùng của doanh nghiệp, không tính giá trị sản phẩm vật chất và dịch vụ do doanh nghiệp sản xuất ra và được dùng ngay trong nội bộ doanh nghiệp. Nếu đơn vị thu thập số liệu là một ngành kinh tế, thì nguyên tắc không được tính trùng bộ phận giá trị sản phẩm được sử dụng lẫn nhau trong nội bộ một ngành, nhưng lại được tính trùng bộ phận giá trị sản phẩm được sử dụng giữa các ngành với nhau.

Nguyên tắc 2 loại trừ việc tính trùng giữa các công đoạn sản xuất trong một đơn vị cơ sở và đảm bảo GTSX phản ánh chính xác số lượng sản phẩm vật chất và dịch vụ của đơn vị cơ sở sản xuất ra cung cấp cho nền kinh tế.

Nguyên tắc 3: *tính toàn bộ giá trị lao động sống và lao động vật hóa đã sử dụng trong quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm cùng với thặng dư sản xuất trong một thời kỳ nhất định.* Nguyên tắc này quy định nội dung của GTSX bao gồm toàn bộ chi phí đầu vào thực tế đã sử dụng cho sản xuất như: nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ sản xuất, khấu hao tài sản cố định, chi phí nhân công, thuế sản xuất, phí, lệ phí phát sinh trong quá trình sản xuất và những chi phí khác có liên quan trực tiếp đến sản xuất (chi phí tuyển dụng, kèm cặp tay nghề cho người lao động, chi phí quản lý doanh nghiệp, nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật công nghệ mới...);

Thặng dư sản xuất trong một thời kỳ chỉ xuất hiện khi sản phẩm vật chất và dịch vụ đã được tiêu thụ. Những sản phẩm chưa tiêu thụ, thì thặng dư sản xuất chưa được

xác định và chưa tính vào GTSX. Nguyên tắc này cũng xác định phạm vi sản phẩm tính vào GO là toàn bộ sản phẩm được sản xuất ra kể cả sản phẩm vật chất và dịch vụ.

Nguyên tắc 3 là cơ sở để xác định nội hàm và cấu thành giá trị của GTSX. Dựa trên nguyên tắc này và định nghĩa của GTSX cũng như chế độ kế toán của đơn vị cơ sở, các nhà thống kê xác định những thông tin cần thu thập để tính GTSX.

Nguyên tắc 4: *thu do chênh lệch giá không tính vào GTSX.* Chênh lệch giá không phải kết quả của hoạt động sản xuất, xảy ra trong trường hợp nền kinh tế có lạm phát làm cho giá của hàng hóa tăng đột biến, đặc biệt đối với thành phẩm tồn kho.

Nguyên tắc 4 giúp cho các nhà thống kê cũng như các nhà kinh tế nắm vững khái niệm sản xuất trong SNA để áp dụng trong đánh giá và phân tích kết quả sản xuất của nền kinh tế qua chỉ tiêu GTSX. Khi nền kinh tế có lạm phát hoặc dự tính có thể tăng giá, các nhà đầu cơ thường giữ sản phẩm trong kho và tìm thời điểm bán ra có lợi nhất nhằm hưởng chênh lệch giá. Đối chiếu với khái niệm sản xuất, rõ ràng khoản thu chênh lệch giá không phải là kết quả của hoạt động sản xuất.

Nguyên tắc 5: *sản phẩm sản xuất ra trong thời kỳ nào được tính cho GTSX của thời kỳ đó.* Nguyên tắc này quy định kết quả sản xuất phát sinh của thời kỳ nào thì tính vào GTSX của thời kỳ đó, không lấy kết quả sản xuất của thời kỳ này tính cho kỳ khác và ngược lại. Vì vậy, những sản phẩm chưa kết thúc quá trình sản xuất trong kỳ chỉ được tính phần phát sinh thêm trong kỳ đó, chính là chênh lệch giữa giá trị của bán thành

phẩm, sản phẩm dở dang cuối kỳ và đầu kỳ. Phế liệu, phế phẩm tạo ra trong quá trình sản xuất nếu đã tiêu thụ cũng được tính vào GTSX, nhưng qui ước tiêu thụ được ở thời kỳ nào, thì tính vào GTSX ở thời kỳ đó.

Nguyên tắc 6: *GTSX được tính cho một thời kỳ nhất định.* Nguyên tắc này xác định khoảng thời gian tính chỉ tiêu, có thể là tháng, quý, năm. Khoảng thời gian phổ biến các nước trên thế giới thường dùng để tính GTSX là quý và năm.

Nguyên tắc 6 phản ánh khái niệm biến kỳ - khái niệm giá trị trong một khoảng thời gian, được áp dụng cho GTSX. Không phải chỉ tiêu nào cũng áp dụng khái niệm biến kỳ, chẳng hạn chỉ tiêu giá trị tài sản cố định áp dụng khái niệm biến điểm - khái niệm biểu thị giá trị tại một thời điểm nhất định. Với nguyên tắc này, các nhà thống kê cần lưu ý khi tính giá trị của thành phẩm tồn kho, sản phẩm dở dang, hàng gửi bán chưa bán được khi tính GTSX của một thời kỳ xác định.

Nguyên tắc 7: *nguyên tắc hạch toán GTSX.* Chỉ tiêu GTSX được hạch toán theo nguyên tắc chờ phân bổ. Với nguyên tắc này hàng hóa và dịch vụ được tính vào GTSX tại thời điểm chuyển giao quyền sở hữu đối với hàng hóa và dịch vụ có tính thị trường, tại thời điểm chúng được sản xuất ra đối với hàng hóa và dịch vụ tự sản xuất để tiêu dùng cuối cùng, đối với hàng hóa để tích lũy và hàng hóa và dịch vụ phi thị trường.

Nguyên tắc 7 đã chỉ ra sự khác biệt về thời điểm hạch toán của thống kê GTSX với thời điểm hạch toán trong hệ thống kế toán tài chính. Nguyên tắc chờ phân bổ là nguyên tắc hạch toán trong SNA, khác với nguyên tắc quyết toán thu chi trong hạch toán, kế toán tài

chính. Các nhà thống kê tài khoản quốc gia cần lưu ý nguyên tắc này để tổ chức thu thập thông tin cho chính xác. Chẳng hạn, nếu thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa và cung cấp dịch vụ không cùng với thời điểm thanh toán - người mua hàng hóa và dịch vụ có thể thanh toán trước hoặc sau, khi đó tiền lãi hay các chi phí khác có liên quan tới hoạt động thanh toán không được tính vào giá bán hàng hóa và dịch vụ.

Khi tính GTSX theo giá so sánh, các nhà thống kê luôn phải giải quyết ba vấn đề ảnh hưởng tới chất lượng tính, đó là: tính đồng nhất của các sản phẩm trong cùng một nhóm; chất lượng sản phẩm thay đổi qua các năm và thay đổi cơ cấu sản phẩm sản xuất ra trong nền kinh tế. Để đảm bảo chất lượng tính GTSX theo giá so sánh, ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc theo giá thực tế, các nhà thống kê còn phải tuân thủ thêm bốn nguyên tắc sau:

Nguyên tắc 8: mức độ gộp ngành sản phẩm tối đa. Khi tính GTSX theo giá so sánh bằng phương pháp giảm phát hay phương pháp chỉ số khối lượng, GTSX theo ngành sản phẩm phải tách chi tiết ở mức tối đa. Số ngành sản phẩm dùng để tính GTSX theo giá so sánh càng chi tiết sẽ đảm bảo tính đồng nhất và tính ổn định cơ cấu của các sản phẩm trong cùng một nhóm. Trường hợp lý tưởng, GTSX phải tách theo từng sản phẩm sản xuất ra trong nền kinh tế và dùng chỉ số giá hoặc chỉ số khối lượng của từng sản phẩm đó để tính theo giá so sánh. Vì hạn chế về nguồn nhân lực và tài chính nên trong thực tế không thể tính GTSX và chỉ số giá cho từng loại sản phẩm, các nhà thống kê phải gộp theo nhóm và như vậy biến động về giá và khối lượng của các sản

phẩm khác nhau được gộp lại với nhau. Mức độ gộp ngành không thể quá gọn vì khi đó sẽ làm sai lệch kết quả tính toán.

SNA khuyến nghị mức độ gộp ngành sản phẩm tối đa để cơ quan thống kê các nước thành viên áp dụng khi tính GTSX theo giá so sánh với phân loại sản phẩm chủ yếu ở mức phân loại sản phẩm cấp II.

Nguyên tắc 8 đặt ra nhằm đảm bảo tính thuần nhất của các nhóm sản phẩm cần loại trừ biến động của yếu tố giá cả và đảm bảo điều kiện để loại trừ yếu tố thay đổi chất lượng sản phẩm của các nhóm hàng hóa và dịch vụ khi biên soạn chỉ số giá sản xuất cũng như chỉ số khối lượng sản phẩm.

Nguyên tắc 9: chọn công thức tính. Dùng công thức Laspeyres để tính chỉ số khối lượng sản phẩm và công thức Passche để tính chỉ số giá theo mức độ gộp ngành sản phẩm tối đa. Nguyên tắc chọn công thức tính chỉ số khối lượng và chỉ số giá dựa trên ưu và nhược điểm của từng loại công thức. Công thức Laspeyres tính chỉ số khối lượng và công thức Passche tính chỉ số giá lần lượt như sau:

$$I_q^L = \frac{\sum p_0 q_t}{\sum p_0 q_0} \quad \text{và} \quad I_p^P = \frac{\sum p_t q_t}{\sum p_0 q_t}$$

Trong đó:

I_q^L - Chỉ số khối lượng theo công thức Laspeyres;

I_p^P - Chỉ số giá theo công thức Passche;

p_0, p_t - Giá của sản phẩm tại năm gốc và năm t;

q_0, q_t - Khối lượng của sản phẩm tại năm gốc và năm t.

Dùng công thức Laspeyres để tính chỉ số khối lượng có ưu điểm ở chỗ yêu cầu thu thập thông tin rất ít. Đối với năm gốc cần có đủ thông tin về giá và lượng của từng nhóm sản phẩm, đối với năm t, năm cần tính chỉ số chỉ cần thông tin về khối lượng sản phẩm theo nhóm.

Dùng công thức Passche để tính chỉ số giá sẽ khắc phục được yếu tố thay đổi chất lượng và cơ cấu sản phẩm sản xuất ra trong nền kinh tế qua các năm. Nhược điểm của công thức Passche là đòi hỏi cả thông tin về giá và thông tin về lượng của từng năm tính toán. Xét tới tính khả thi trong thực tiễn áp dụng, các nhà thống kê vẫn dùng công thức Laspeyres để tính chỉ số giá và kết quả không sai lệch so với dùng công thức Passche miễn là nhóm sản phẩm phải tách chi tiết. Chất lượng của từng nhóm sản phẩm không thay đổi qua các năm khi các nhóm này được tách chi tiết.

Đặt ra nguyên tắc 9 nhằm đảm bảo quyền số áp dụng để biên soạn chỉ số giá luôn được cập nhật với thực tế cơ cấu của hàng hóa và dịch vụ sản xuất ra trong nền kinh tế qua các năm và gián tiếp giải quyết vấn đề thay đổi chất lượng của sản phẩm khi biên soạn chỉ số giá.

Trong SNA, thay đổi chất lượng sản phẩm được phản ánh trong thay đổi khối lượng sản phẩm, vì vậy có thể cố định quyền số giá trị trong biên soạn chỉ số khối lượng. áp dụng công thức Laspeyres để tính chỉ số khối lượng vẫn đảm bảo chất lượng biên soạn chỉ số đồng thời giảm thiểu khối lượng thông tin cần thu thập để biên soạn.

Nguyên tắc 10: quyền số dùng để tính chỉ số. Biên soạn chỉ số giá và chỉ số khối lượng của năm báo cáo phải dựa vào quyền số của năm trước năm báo cáo. Quyền số

dùng trong biên soạn chỉ số giá và chỉ số khối lượng biểu thị tầm quan trọng của nhóm hàng hóa và dịch vụ trong rổ hàng được thu thập thông tin để tính. Rổ hàng hóa và dịch vụ đại diện càng sát với thực tế sản xuất và tiêu dùng thì chỉ số càng phản ánh trung thực bức tranh của nền kinh tế. Đặc biệt trong nền kinh tế thị trường, ở đó chủng loại và mẫu mã sản phẩm cũng như cơ cấu tiêu dùng của dân cư thay đổi hàng năm. Nguyên tắc này đặt ra đòi hỏi các nhà thống kê phải liên tục cập nhật quyền số nhằm đảm bảo chất lượng của các loại chỉ số được biên soạn.

Quyền số dùng để biên soạn chỉ số giá và chỉ số khối lượng được xây dựng dựa trên các cuộc điều tra với quy mô lớn và khá tốn kém. Chẳng hạn, quyền số để tính CPI là cơ cấu chi tiêu các nhóm hàng hóa và dịch vụ thiết yếu trong tổng chi tiêu cho đời sống hàng ngày của hộ gia đình và được tổng hợp từ kết quả điều tra mức sống dân cư. Chỉ một số cơ quan thống kê quốc gia trên thế giới đáp ứng được nguyên tắc này. Điều đặn 5 năm, TCTK thay đổi quyền số dùng để biên soạn PPI và CPI.

Nguyên tắc 11: chất lượng sản phẩm. Thay đổi chất lượng sản phẩm sản xuất ra trong nền kinh tế phải được phản ánh trong khối lượng sản phẩm. Khi nghiên cứu biến động của GTSX theo thời gian, các nhà thống kê và kinh tế phải lưu ý tới ba yếu tố cấu thành: giá cả, khối lượng và chất lượng sản phẩm. Trong đó giá cả của hàng hóa và dịch vụ được xác định theo quy luật Cung - Cầu của thị trường; khối lượng sản phẩm do các nhà sản xuất và nhu cầu của người tiêu dùng quyết định và chất lượng của hàng hóa được xác định bởi bốn nhóm yếu tố: (i) Đặc trưng vật chất do tính chất lý, hóa tạo nên; (ii) Địa điểm cung cấp hàng hóa; (iii)

Thời gian cung cấp hàng hóa; (iv) Điều kiện hay môi trường bán hàng hóa⁽²⁾.

Để đánh giá tăng trưởng của GTSX, thống kê tài khoản quốc gia phải loại trừ yếu tố biến động về giá trong chỉ tiêu này, nghĩa là chỉ nghiên cứu sự biến động về khối lượng. *Chất lượng sản phẩm tăng sẽ nâng cao tính cạnh tranh và nhu cầu của người tiêu dùng và như một kết quả tất yếu sẽ làm tăng khối lượng sản phẩm sản xuất ra.* Vì vậy SNA quy định *thay đổi chất lượng sản phẩm* là một yếu tố của thay đổi khối lượng khi nghiên cứu tăng trưởng. Quy định này rất quan trọng vì nó ảnh hưởng tới phương pháp biên soạn PPI và CPI. Với quy định này khi thu thập thông tin và biên soạn PPI và CPI, thống kê giá phải loại trừ yếu tố thay đổi chất lượng sản phẩm. Trong trường hợp ngược lại chỉ số giá sẽ được tính cao hơn so với thực tế vì chúng bao gồm cả yếu tố tăng chất lượng sản phẩm hàng hóa và dẫn tới đánh giá thấp tốc độ tăng trưởng của GTSX ■

(1) Handbook on price and volume measures in national accounts, trang 13, 14.

(2) Bạn đọc quan tâm đến những luận giải chi tiết các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm và phương pháp loại trừ thay đổi chất lượng sản phẩm khi biên soạn chỉ số giá có thể tham khảo bài viết: “Thay đổi chất lượng sản phẩm trong đánh giá tăng trưởng của thống kê tài khoản quốc gia” trong tờ Thông tin khoa học thống kê, số 4 năm 2006

Tài liệu tham khảo

1. System of National Accounts 1993. Brussels/Luxembourg, New York, Paris, Washington, D.C.

2. European Commission, Eurostat (2001), “Handbook on price and volume measures in national accounts”.

3. Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài: “Nghiên cứu khả năng tính toán chỉ tiêu giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm của các ngành kinh tế theo giá cơ bản, Hà Nội - 2005.

4. Hệ thống tài khoản kế toán, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội - 2000